

Bản án số: 149/2026/DS-ST

Ngày: 28-8-2026.

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thúc Liêu và bà Lê Thị Chinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên toà:
Bà Phan Thị Thúy Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1090/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 1123/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ trụ sở: Số H đường L, phường G, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thùy T – chức danh: Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ liên hệ: Tầng D - Số A đường P, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản uỷ quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Văn bản uỷ quyền số: 205/2026/UQ-KHCN ngày 20/5/2026 của Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 4, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C - sinh năm: 1992, địa chỉ: Khu đô thị T, Lô B, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 038192045977, cấp ngày: 26/9/2022 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng ngày 02 tháng 3 năm 2026, các bản trình bày ngày 04 tháng 5 năm 2026, ngày 29 tháng 5 năm 2026, ngày 07 tháng 7 năm 2026, ngày 07 tháng 8 năm 2026 và tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) có cho bà Phạm Thị C vay tiền thông qua 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay LN2404042239934 ngày 19/04/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2404042239934 ngày 19/04/2024:

+ Số tiền cho vay: 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng);

+ Thời hạn cho vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

+ Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MG (MORRIS GARAGES), MG5 1.5L STD (sx 2023), 1.5L, AT (sản xuất năm 2023) sản xuất mới 100%.

+ Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 9.4%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo ngày là đầu tiên quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện, bà Phạm Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/11/2025 đối với V1, tạm tính đến ngày 28/08/2026 tổng số tiền nợ là 433.920.391đ (bốn trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn ba trăm chín mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc: 357.488.000đ (ba trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn), nợ lãi trong hạn: 7.564.759đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn: 68.867.632đ (sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng;

giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 20/5/2024 (số thẻ: 419-P-3641864, ngày mở thẻ: 29/5/2024):

- + Số tiền cho vay: 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng);
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- + Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống;
- + Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện, bà Phạm Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 07/11/2025 đối với V1, tạm tính đến ngày 28/08/2026 tổng số tiền nợ là 113.091.758đ (một trăm mười ba triệu không trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 72.726.224đ (bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng), nợ lãi phát sinh: 40.365.534đ (bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu bà Phạm Thanh C1 đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L, màu đỏ, số khung: MMLA36U38PG010172, số máy: 15S4C5QTNC090001, biển số đăng ký: 43A-822.05 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 09/04/2024 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ. Việc thế chấp được thực hiện theo hợp đồng thế chấp số LN2404042239934 ngày 19/04/2024, đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm.

Bà Phạm Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, bà C vẫn không thực hiện. Vì vậy V1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà C phải thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/8/2026 cho cả 02 hợp đồng tín dụng là 547.012.149đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu không trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi chín đồng).

- Kể từ ngày 29/8/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ thì bà C còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết với V1.

- Trường hợp bà C thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì phát mãi tài sản thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L, màu đỏ, số khung: MMLA36U38PG010172, số máy: 15S4C5QTNC090001, biển số đăng ký: 43A-822.05 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn bà Phạm Thị C đã được Toà án cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Áp dụng các Điều 117, 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2026 của 02 hợp đồng là 547.012.149đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu không trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi chín đồng).

+ Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Phạm Thị C còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay LN2404042239934 ngày 19/04/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2404042239934 ngày 19/04/2024; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 20/5/2024.

+ Trường hợp bà Phạm Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì bà Phạm C có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L, màu đỏ, số khung: MMLA36U38PG010172, số máy: 15S4C5QTNC090001, biển số đăng ký: 43A-822.05 để phát mãi tài sản thu hồi nợ cho ngân hàng.

+ Về án phí, chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Phạm Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP V đã cho bà Phạm Thị C vay tín dụng thông qua 02 hợp đồng cụ thể: Hợp đồng cho vay LN2404042239934 ngày 19/04/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2404042239934 ngày 19/04/2024; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát

hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 20/5/2024; tổng số tiền gốc bà C vay là 515.000.000đ (năm trăm mười lăm triệu đồng). Để đảm bảo các khoản vay, bà C thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L, màu đỏ, số khung: MMLA36U38PG010172, số máy: 15S4C5QTNC090001, biển số đăng ký: 43A-822.05 theo hợp đồng thế chấp số LN2404042239934 ngày 19/04/2024. Đến ngày 06/11/2025 và ngày 07/11/2025 bà C lần lượt vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ mỗi hợp đồng tín dụng và cho đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, còn bà C không đến Toà án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Xét thấy các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 317, 319, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Bà Phạm Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng chấm dứt hợp đồng vay trước hạn và khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 1 hợp đồng cho vay số: LN2404042239934 ngày 19/4/2024, mục V của Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 20/5/2024 mà các bên đã ký kết và Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị C thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/8/2026 của cả 02 hợp đồng là 547.012.149đ, trong đó: Nợ gốc là 430.214.224đ, nợ lãi phát sinh là 116.797.925đ; trường hợp bà C thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp cho ngân hàng là 01 xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L, màu đỏ, số khung: MMLA36U38PG010172, số máy: 15S4C5QTNC090001, biển số đăng ký: 43A-822.05. Xét thấy yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại các Điều 299, 320 và 466 của Bộ luật Dân sự, các hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị C phải chịu 25.880.500đ (hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 299, 317, 320, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Phạm Thị C về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 28/8/2026 của 02 hợp đồng tín dụng là 547.012.149đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu không trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 430.214.224đ (bốn trăm ba mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng), nợ lãi phát sinh là 116.797.925đ (một trăm mười sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng), cụ thể của mỗi hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay LN2404042239934 ngày 19/04/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2404042239934 ngày 19/04/2024: Nợ gốc: 357.488.000đ (ba trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn), nợ lãi trong hạn: 7.564.759đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn: 68.867.632đ (sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng);

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 20/5/2024: Nợ gốc: 72.726.224đ (bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng), nợ lãi: 40.365.534đ (bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Phạm Thị C còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tương ứng với số tiền nợ vay tại các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên.

Trường hợp bà Phạm Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì bà Phạm C có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu MG, loại MG5 1.5L, màu đỏ, số khung: MMLA36U38PG010172, số máy: 15S4C5QTNC090001, biển số đăng ký: 43A-822.05 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 09/04/2024 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ) để phát mãi tài sản thu hồi nợ cho ngân hàng.

Việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên được thực hiện theo quy định và thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp số: LN2404042239934 ngày 19/04/2024.

Trường hợp bà Phạm Thị C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ mà không thuộc trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP V có nghĩa vụ trả lại cho

bà C 01 (một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số đăng ký: 43A-822.05 do Phòng C2 Công an thành phố Đ cấp ngày 09/4/2024.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị C phải chịu 25.880.500đ (hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.157.505đ (*mười một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm lẻ năm đồng*) theo biên lai thu số 0002663 ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/8/2026). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV4 - Đà Nẵng;
- Phòng THADSKV4 - Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn